



HAGL Group

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Báo cáo tài chính riêng
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2012

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5 - 6
Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng	7 - 31



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.502.285.612	8.741.555.671
110	I. Tiền		782.646.261	2.334.979.337
111	1. Tiền	4	782.646.261	2.334.979.337
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	94.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	94.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.788.985.387	5.711.886.572
131	1. Phải thu khách hàng	6	268.552.810	574.507.868
132	2. Trả trước cho người bán	7	119.809.722	57.813.127
135	3. Các khoản phải thu khác	8	7.401.244.074	5.079.565.577
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(621.219)	-
140	IV. Hàng tồn kho		646.499.721	535.549.034
141	1. Hàng tồn kho	9	646.499.721	535.549.034
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		202.371.003	64.357.488
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		56.837.147	3.240.538
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		37.860.498	25.857.923
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	4.595.173
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	107.673.358	30.663.854
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.772.593.789	9.127.446.153
220	I. Tài sản cố định		640.604.525	578.844.406
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	345.739.629	364.742.201
222	Nguyên giá		429.242.966	429.362.860
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(83.503.337)	(64.620.659)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	94.672.683	74.108.479
228	Nguyên giá		97.119.811	75.834.772
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.447.128)	(1.726.293)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	200.192.213	139.993.726
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		9.994.731.350	8.399.324.009
252	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	9.697.066.228	7.995.384.030
258	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	12.500.000	12.500.000
259	3. Đầu tư dài hạn khác	15	285.165.122	391.439.979
260	III. Tài sản dài hạn khác		137.257.914	149.277.738
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	136.460.631	147.664.638
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		329.723	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		467.560	1.613.100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		20.274.879.401	17.869.001.824

Hàng tồn kho

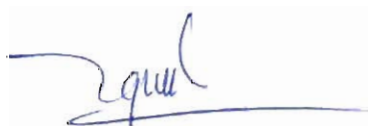
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2012

B01a-DN

Ngàn VNĐ

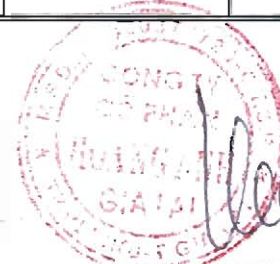

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10.989.042.981	8.655.890.720
310	I. Nợ ngắn hạn		3.995.915.409	3.305.595.618
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	1.079.799.184	901.589.215
312	2. Phải trả người bán	18	219.287.181	110.734.348
313	3. Người mua trả tiền trước	19	290.154.207	110.825.541
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	38.671.150	193.011.403
315	5. Phải trả người lao động		6.663.713	7.721.410
316	6. Chi phí phải trả	21	367.970.286	191.409.704
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	22	1.939.687.048	1.715.239.096
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		53.682.640	75.064.901
330	II. Nợ dài hạn		6.993.127.572	5.350.295.102
333	1. Phải trả dài hạn khác		7.592.007	910.241
334	2. Vay và nợ dài hạn	23	6.985.535.565	5.343.966.520
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc		-	5.418.341
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.285.836.420	9.213.111.104
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	9.285.836.420	9.213.111.104
411	1. Vốn cổ phần		5.373.710.490	4.672.805.900
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	2.880.972.568
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		223.672.692	219.861.914
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		798.857.933	1.430.847.985
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		20.274.879.401	17.869.001.824



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập biểu



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2013

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý IV năm 2012

B02a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	433.207.485	318.666.053	2.087.571.832	813.860.106
02	2. Các khoản giảm trừ	25.1	(93.050)	(86.285)	(400.671)	(284.661)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	433.114.435	318.579.768	2.087.171.161	813.575.445
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(378.461.793)	(277.177.333)	(1.876.106.439)	(693.010.019)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.652.642	41.402.435	211.064.722	120.565.426
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	305.450.640	238.417.272	1.139.382.888	1.051.662.915
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	27	(294.210.603)	(223.921.843)	(1.033.351.585)	(735.058.165)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(273.419.648)	(209.938.766)	(937.737.147)	(681.167.270)
24	8. Chi phí bán hàng		(15.776.612)	(11.508.056)	(57.091.817)	(47.785.297)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(26.435.477)	(23.610.900)	(86.327.715)	(92.153.700)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		23.680.590	20.778.908	173.676.493	297.231.179
31	11. Thu nhập khác	28	745.256	1.173.255	12.630.375	2.441.660
32	12. Chi phí khác	28	(3.378.667)	(606.366)	(52.121.626)	(10.721.576)
40	13. Lãi (lỗ) khác	28	(2.633.411)	566.889	(39.491.251)	(8.279.916)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B02a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		21.047.179	21.345.797	134.185.242	288.951.263
51	15. Thuế TNDN hiện hành		(6.153.232)	(3.783.997)	(58.299.405)	(75.945.973)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại		(537.891)	(9.480.334)	329.723	(7.703.332)
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		14.356.056	8.081.466	76.215.560	205.301.958



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập biểu

Ngày 15 tháng 2 năm 2013



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Quý IV năm 2012

B03a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		134.185.242	288.951.263
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		22.528.331	21.626.092
03	Các khoản dự phòng		621.219	-
04	Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện		(778.893)	(11.462.164)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.007.276.334)	(1.027.530.685)
06	Chi phí lãi vay	27	937.737.147	681.167.270
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		87.016.712	(47.248.224)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		630.304.575	(636.899.869)
10	Tăng hàng tồn kho		(110.950.687)	(232.461.013)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(459.434.940)	870.640.090
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(42.392.602)	47.707.809
13	Tiền lãi vay đã trả		(731.763.955)	(570.436.182)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(187.093.043)	(49.913.450)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.715.967)	(22.464.107)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(828.029.907)	(641.074.946)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(98.902.139)	(56.916.806)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		7.167.534	48.152
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.448.216.558)	(271.590.794)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(867.157.766)	(3.268.708.265)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		117.025.000	430.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		744.951.746	553.416.667
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.545.132.183)	(2.613.751.046)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu trong tài khoản ký quỹ		-	582.568.781
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.729.780.703	5.560.799.852
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.908.951.689)	(2.605.148.999)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.820.829.014	3.538.219.634

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B03a-DN

Ngàn VNĐ


Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	(Giảm) tăng tiền thuần trong kỳ		(1.552.333.076)	283.393.642
60	Tiền đầu kỳ		2.334.979.337	2.051.585.695
70	Tiền cuối kỳ	4	782.646.261	2.334.979.337



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập biểu



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2013

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười chín	Ngày 26 tháng 5 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ hai mươi	Ngày 11 tháng 5 năm 2012

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10 công ty con và 2 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 14 của các báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 41 công ty con cấp bên dưới. Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2012 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.4 *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời .v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, rừng cao su và trạm của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 *Tài sản thuê*

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.14 *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.15 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 *Trích trước trợ cấp thôi việc*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

3.17 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.19 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu căn hộ

Doanh thu hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Tiền gửi ngân hàng	780.985.451	2.333.633.832
Tiền mặt tại quỹ	1.587.334	1.345.505
Tiền đang chuyển	73.476	-
Tổng cộng	<u>782.646.261</u>	<u>2.334.979.337</u>

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm giá trị tài sản ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	147.690.932	476.603.020
Phải thu tiền bán căn hộ	89.079.158	85.107.074
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	31.782.720	12.797.774
Tổng cộng	<u>268.552.810</u>	<u>574.507.868</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho nhà cung cấp để mua máy móc thiết bị, hàng hóa và dịch vụ.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phải thu các công ty con	6.621.527.709	4.408.140.284
Cho vay ngắn hạn các công ty	701.986.491	539.683.327
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	5.291.248	27.376.349
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	15.979.275	20.000.000
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	15.794.000	49.547.943
Các khoản khác	40.665.351	34.817.674
Tổng cộng	<u>7.401.244.074</u>	<u>5.079.565.577</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	494.578.112	412.289.483
Thành phẩm	16.387.335	6.538.167
Hàng hóa	33.878.891	51.223.069
Sản phẩm dở dang	60.426.566	52.270.103
Trong đó:		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	51.020.673	37.771.974
<i>Sản xuất</i>	9.343.610	14.136.962
<i>Dịch vụ</i>	62.283	361.167
Nguyên vật liệu	32.815.361	221.368
Vật liệu xây dựng	7.216.927	12.133.614
Công cụ, dụng cụ	1.196.529	873.230
Tổng cộng	<u>646.499.721</u>	<u>535.549.034</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Các khoản tạm ứng cho nhân viên phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh và đầu tư	107.623.238	27.835.605
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	2.778.129
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
Tổng cộng	<u>107.673.358</u>	<u>30.663.854</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	308.727.949	42.503.595	62.904.183	5.837.398	6.698.345	2.691.390	429.362.860
Tăng trong kỳ	5.933.770	3.903.711	1.573.411	1.504.796	-	-	12.915.688
Giảm trong kỳ	(2.308.644)	(2.497.430)	(7.684.626)	(544.882)	-	-	(13.035.582)
Phân loại lại	(2.494.615)	7.020.516	(3.589.369)	(134.411)	-	(802.121)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	309.858.460	50.930.392	53.203.599	6.662.901	6.698.345	1.889.269	429.242.966
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	(32.868.166)	(11.432.675)	(15.069.624)	(2.801.418)	(1.084.995)	(1.363.781)	(64.620.659)
Tăng trong kỳ	(9.004.297)	(4.952.651)	(5.868.119)	(1.013.242)	(958.937)	(241.414)	(22.038.660)
Giảm trong kỳ	559.281	910.500	1.429.810	256.391	-	-	3.155.982
Phân loại lại	364.868	(1.482.307)	405.758	572.555	137.219	1.907	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	(40.948.314)	(16.957.133)	(19.102.175)	(2.985.714)	(1.906.713)	(1.603.288)	(83.503.337)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	275.859.783	31.070.920	47.834.559	3.035.980	5.613.350	1.327.609	364.742.201
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	268.910.146	33.973.259	34.101.424	3.677.187	4.791.632	285.981	345.739.629

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	70.435.006	5.399.766	75.834.772
Tăng trong kỳ	<u>21.255.399</u>	<u>29.640</u>	<u>21.285.039</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>91.690.405</u>	<u>5.429.406</u>	<u>97.119.811</u>
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	-	(1.726.293)	(1.726.293)
Tăng trong kỳ	<u>-</u>	<u>(720.835)</u>	<u>(720.835)</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>-</u>	<u>(2.447.128)</u>	<u>(2.447.128)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	<u>70.435.006</u>	<u>3.673.473</u>	<u>74.108.479</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>91.690.405</u>	<u>2.982.278</u>	<u>94.672.683</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	121.929.089	61.431.326
Nhà xưởng và vật kiến trúc	53.241.982	52.181.421
Chi phí trồng cây cao su	23.377.781	23.354.899
Các công trình xây dựng khác	<u>1.643.361</u>	<u>3.026.080</u>
Tổng cộng	<u>200.192.213</u>	<u>139.993.726</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

14.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	99,41	3.294.129.247	90,74	2.402.129.247
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp	Đang hoạt động	91,18	3.331.783.464	95,51	2.748.118.864
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,78	1.241.736.052	99,98	1.244.225.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,63	1.527.000.000	98,80	1.314.440.495
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	78,95	100.986.248	88,60	100.986.248
Các Công ty con chưa tái cấu trúc xong						
Công ty TNHH V&H Corporation (Láo)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	53.424.959
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	94.740.417	98,36	84.648.417
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty cổ phần quản lý Bất động sản và khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Dịch vụ	Đang hoạt động	94,50	280.000	-	-
Tổng cộng				9.697.066.228		7.995.384.030

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.500.000	25,00	7.500.000
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn, thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
Tổng cộng			12.500.000		12.500.000

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Cho Chính phủ Lào vay (i)	186.471.568	292.746.425
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	81.183.513	81.183.513
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	150.000	150.000
Tổng cộng	285.165.122	391.439.979

(i) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả bằng gỗ hoặc quota gỗ.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ
Số dư đầu năm	147.664.638
Tăng trong kỳ	68.226.431
	215.891.069
Chi phí phân bổ trong kỳ	(79.430.438)
Số dư cuối kỳ	136.460.631

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Vay ngắn hạn ngân hàng	439.957.713	779.705.323
Nợ vay dài hạn ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 22)	639.841.471	121.883.892
Tổng cộng	1.079.799.184	901.589.215

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phải trả người bán hàng hóa, dịch vụ	165.303.246	97.678.700
Phải trả nhà thầu xây dựng	14.842.107	13.055.648
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị	39.141.828	-
Tổng cộng	219.287.181	110.734.348

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	84.500.344	88.846.577
Khách hàng thương mại trả tiền trước	205.653.863	21.978.964
Tổng cộng	290.154.207	110.825.541

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.707.118	190.509.238
Thuế giá trị gia tăng	479.545	639.149
Thuế thu nhập cá nhân	1.080.516	1.706.363
Các khoản phải nộp khác	403.971	156.653
Tổng cộng	38.671.150	193.011.403

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí lãi vay	358.154.144	175.719.709
Các khoản khác	9.816.142	15.689.995
Tổng cộng	367.970.286	191.409.704

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Phải trả các công ty con	1.907.735.410	1.704.271.729
Phải trả các công ty khác	19.545.500	-
Các khoản khác	12.406.138	10.967.367
Tổng cộng	1.939.687.048	1.715.239.096

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
Trái phiếu quốc tế	1.520.711.336	1.811.945.875
Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi	2.230.000.000	2.230.000.000
Trái phiếu thương	3.050.000.000	1.030.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	824.665.700	393.904.537
Tổng cộng	<u>7.625.377.036</u>	<u>5.465.850.412</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 17)</i>	<i>639.841.471</i>	<i>121.883.892</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>6.985.535.565</i>	<i>5.343.966.520</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Ngàn VNĐ

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư và phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	4.672.805.900	2.880.972.568	8.622.737	219.861.914	1.430.847.985	9.213.111.104
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	76.215.560	76.215.560
Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	700.904.590	-	-	-	(700.904.590)	-
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	3.810.778	(6.176.022)	(2.365.244)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.125.000)	(1.125.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.933	9.285.836.420

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	537.371.049 537.371.049	467.280.590 467.280.590
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	537.371.049 537.371.049	467.280.590 467.280.590
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	537.371.049 537.371.049	467.280.590 467.280.590

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	433.207.485	318.666.053	2.087.571.832	813.860.106
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	231.579.518	241.368.338	1.610.402.772	588.925.561
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	89.951.530	49.289.639	259.807.054	112.324.698
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	31.194.025	22.035.286	79.903.772	94.738.616
<i>Doanh thu căn hộ</i>	80.482.412	5.972.790	137.458.234	17.871.231
Trừ	(93.050)	(86.285)	(400.671)	(284.661)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(93.050)	(86.285)	(400.671)	(284.661)
Doanh thu thuần	433.114.435	318.579.768	2.087.171.161	813.575.445
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	231.579.518	241.368.338	1.610.402.772	588.925.561
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	89.951.530	49.289.639	259.807.054	112.324.698
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	31.100.975	21.949.001	79.503.101	94.453.955
<i>Doanh thu căn hộ</i>	80.482.412	5.972.790	137.458.234	17.871.231

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay các công ty con	274.696.175	162.808.401	963.821.939	395.089.032
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	14.796.160	-	31.983.725	359.433.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.958.305	67.065.965	141.460.803	272.528.653
Lãi chênh lệch tỷ giá hối	-	8.542.906	-	24.132.230
Các khoản khác	-	-	2.116.421	480.000
Tổng cộng	305.450.640	238.417.272	1.139.382.888	1.051.662.915

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hoá	211.810.919	211.834.083	1.464.818.505	529.208.033
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	84.356.812	46.032.436	249.993.569	103.678.936
Giá vốn dịch vụ cung cấp	24.737.281	14.386.863	58.789.260	46.290.210
Giá vốn căn hộ	57.556.781	4.923.951	102.505.105	13.832.840
Tổng cộng	378.461.793	277.177.333	1.876.106.439	693.010.019

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	273.419.648	209.938.766	937.737.147	681.167.270
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	3.393.316	8.050.252
Các khoản khác	20.790.955	13.983.077	92.221.122	45.840.643
Tổng cộng	294.210.603	223.921.843	1.033.351.585	735.058.165

28. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	745.256	1.173.255	12.630.375	2.441.660
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	-	-	7.649.596	48.152
Các khoản khác	745.256	1.173.255	4.980.779	2.393.508
Chi phí khác	(3.378.667)	(606.366)	(52.121.626)	(10.721.576)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(1.089.524)	-	(8.095.106)	(48.152)
Tiền phạt	-	-	(37.181.343)	(7.629.015)
Các khoản khác	(2.289.143)	(606.366)	(6.845.177)	(3.044.409)
Lãi (lỗ) thuần	(2.633.411)	566.889	(39.491.251)	(8.279.916)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần Lãi cho vay Bán hàng hóa	939.347.712 16.933.466 22.282
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	170.140.711
Công ty Cổ phần mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa Chuyển nhượng tài sản Xây dựng	63.555.957 45.326.347 36.384.714
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa Xây dựng	52.181.660 14.466.122
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Xây dựng	42.750.225
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	34.529.389
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa Lãi cho vay Xây dựng	19.696.751 1.779.519 112.437
Công ty TNHH An Tiến	Công ty con	Bán hàng hóa Xây dựng	17.039.896 4.311.172
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh - Thanh Hóa	Công ty con	Xây dựng	16.684.290
Công ty Cổ phần mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	13.302.667
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Bán hàng hóa	11.311.869
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Lãi cho vay	8.867.199 1.619.310
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng Bán hàng hóa và dịch vụ	10.126.041 854.749
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	9.325.171
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	8.935.500
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	Công ty con	Bán hàng hóa	8.828.075
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	7.044.498
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Lãi cho vay Bán hàng hóa	4.727.778 300.813
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	2.057.351
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Xây dựng, bán hàng hóa và lãi cho vay	4.911.112

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Xây dựng Bán hàng hóa	5.769.141 27.714.925
Công ty TNHH Rattanakiri	Công ty con	Bán hàng hóa	7.056.457
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa Xây dựng	2.873.497 108.597
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Xây dựng	5.769.141
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa Xây dựng	39.140.993 123.680
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	18.286.557
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Bán hàng hóa	15.080.130
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa Xây dựng	945.337 1.499.616
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	557.776
Tổng cộng			<u>124.925.847</u>
<i>Các khoản phải thu khác</i>			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay và tiền lãi	4.341.119.827
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay và tiền lãi	245.794.595
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay và tiền lãi	437.072.075
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay và tiền lãi	19.385.974
Công ty Cổ phần mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay và tiền lãi	313.541.299
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay và tiền lãi	944.705.433
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Phải thu cho vay và tiền lãi	110.317.283
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay và tiền lãi	47.677.793
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh - Thanh Hóa	Công ty con	Chi hộ chi phí	41.054.000

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i> (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay và tiền lãi	32.567.989
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn	46.619.707
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>41.671.734</u>
Tổng cộng			<u>6.621.527.709</u>
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	10.633.540
Công ty TNHH MTV Hoàng Thơ	Công ty con	Mua hàng hóa	3.251.431
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Xây dựng	2.410.219
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>2.473.985</u>
Tổng cộng			<u>18.769.175</u>
<i>Người mua trả tiền trước</i>			
Công ty TNHH điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận trước tiền xây dựng	137.777.701
Công ty TNHH Rattanakiri	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	35.348.522
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Nhận trước tiền xây dựng	15.000.000
Công ty TNHH An Tiến	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	13.711.311
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>1.823.192</u>
Tổng cộng			<u>203.660.726</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B09a-DN

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Các khoản phải trả khác			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần	892.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn	525.338.296
Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Vay mượn	210.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn	192.186.813
Công ty Cổ phần mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	49.146.097
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Vay mượn	28.667.900
Công ty TNHH Hoàng Anh Viên Chấn	Công ty con	Vay mượn	6.093.450
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	4.302.854
Tổng cộng			<u>1.907.735.410</u>

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 4 tháng 1 năm 2013, Công ty công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (lấy ý kiến bằng văn bản) phê duyệt các nội dung sau:

- ✓ Chào bán cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1 (cổ đông sở hữu 5 cổ phần sẽ được mua 1 cổ phần phát hành thêm) với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần;
- ✓ Phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông để chuyển đổi Trái phiếu quốc tế với tổng giá trị phát hành dự kiến là 1.564.000.000 ngàn VNĐ. Số lượng cổ phần phát hành dự kiến tối đa 75.000.000 cổ phần, giá phát hành không thấp hơn 21.000 đồng/cổ phần;
- ✓ Điều chỉnh một số Điều khoản và Điều kiện Trái phiếu chuyển đổi HAG-CB2011, theo đó giá chuyển đổi được điều chỉnh từ mức 39.058 VNĐ/cổ phần xuống mức 25.000 VNĐ/cổ phần.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng này.

Nguyễn Thị Đỗ Quyền
Người lập biểu

Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2013